



zuì zhōng

最终

Noun · final; ultimate

Example Sentences

dí jūn zuì zhōng xiàng wǒ guó chén fú
敌军最终向我国臣服。

The enemy army finally submitted to our country.

fǎ guān xuān bù le zuì zhōng pàn jué
法官宣布了最终判决。

The judge announced the final verdict.

shuāng fāng zuì zhōng dá chéng le tuǒ xié
双方最终达成了妥协。

The two parties finally reached a compromise.

Trace each character, then write the word on your own.

最	最	最	最	最	最	最	最	最	最	最
最	最	最	最							

终	终	终	终	终	终	终	终	终	终	终

